

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK  
Bản án số: 99/2026/HSPT  
Ngày 13/4/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Thu Hằng;

*Các Thẩm phán:* 1. ông Lý Thơ Hiền;

2. bà Lê Thị Thái Lan.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Hoàng Văn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 54/2026/TLPT-HS ngày 09/3/2026 đối với các bị cáo Lê Thị Thu N phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2026/HS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đắk Lắk.

- ***Bị cáo có kháng cáo:***

Họ và tên: **Lê Thị Thu N**; tên gọi khác: L; giới tính: nữ; sinh ngày 20 tháng 3 năm 1988 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: 0 N, phường T, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú: khu phố Đ, phường T, tỉnh Đắk Lắk; căn cước công dân số: 054188005650, nơi cấp: Cục C về TTXH; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; con ông Lê M, sinh năm 1952 và bà Lê Thị T, sinh năm 1954; gia đình có 05 anh, chị, em; chồng: Đinh Văn H; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2015 nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền sự: không; tiền án: ngày 16/9/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên áp dụng điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 06 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/7/2024. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 02/4/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam P, Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh Đ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Lê Thị Mai P, sinh năm 2005; địa chỉ: khu phố N, phường B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2. Lê Thị Thu T1, sinh năm 2006; địa chỉ: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3. Phạm Thị K, sinh năm 1973; địa chỉ: I Quốc lộ A, phường B, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

4. Trần Ngọc P1, sinh năm 1981; địa chỉ: C N, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

5. Phan Ngọc T2, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn L, xã P, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

6. Lê Thị Thu H1, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố Đ, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

7. Trần Thị P2, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn Đ, xã P, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Ngoài ra vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn S nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/3/2025, Lê Thị Thu N liên hệ với Nguyễn Văn S ở thành phố Hồ Chí Minh để mua ma túy Heroin với giá 4.500.000 đồng. S đồng ý và đưa cho N số tài khoản 20240327 của Phạm Thị K (người quen ngoài xã hội) mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á để N chuyển tiền mua ma túy. N đưa tiền cho Lê Thị Mai P (cháu của N) nhờ chuyển khoản cho S, P nhờ lại Lê Thị Thu T1 (cháu của P) sử dụng tài khoản 0372831242 của T1 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q chuyển 18.500.000 đồng (trong đó có 4.500.000 đồng tiền N mua ma túy còn 14.000.000 đồng là tiền N trả nợ cho S) qua tài khoản Ngân hàng A của bà K. Bà K rút số tiền trên đưa cho S. Sau khi nhận được tiền, S mang ma túy từ thành phố Hồ Chí Minh đến giao tại phòng trọ của N ở khu phố Đ, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi nhận ma túy, N đã 04 lần bán trái phép ma túy cho người khác, cụ thể: bán cho Phan Ngọc T2 02 lần khoảng giữa tháng 3/2025 và bán cho Trần Ngọc P1 02 lần khoảng cuối tháng 3/2025.

Ngày 30/3/2025, N liên hệ với S mời S về T ăn mừng thôi nôi cháu của N, S hỏi N có lấy ma túy không, N bảo không có tiền. Đến ngày 31/3/2025, S gọi điện thoại cho N nói bán rẻ ma túy với số lượng 07 chỉ giá 25.000.000 đồng thì N đồng ý. S đưa số tài khoản của bà K tại Ngân hàng A để N chuyển tiền. N nhờ Lê Thị Mai P chuyển 25.000.000 đồng qua tài khoản của bà K nhưng do chuyển nhầm 35.000.000 đồng nên bà K chuyển trả lại 10.000.000 đồng cho P. Đến khoảng 4 giờ 30 phút ngày 01/4/2025, S trực tiếp mang ma túy ra T để giao cho N và sau khi nhận ma túy thì N chở S đến nhà nghỉ M1 để nghỉ. Trên đường N đem ma túy về đến trước nhà trọ thì bị Cơ quan Công an yêu cầu dừng xe thì N vớt 02 bì nilon trong suốt hàn kín bên trong chứa bột màu trắng tại vị trí N dừng xe và 01 bì nilon màu đen bên trong có 06 bì nilon trong suốt chứa chất bột màu trắng dạng nén trên nền đường bê tông. N khai nhận đây là ma túy mua của S giá 25.000.000 đồng mà S vừa mới giao.

Kết luận giám định số 206/KL-KTHS ngày 09/4/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh P, kết luận: Chất bột màu trắng trong 01 bì nilon trong suốt hàn kín là ma túy, loại Heroin, khối lượng 0,448 gam; Chất bột màu trắng dạng nén trong 01 bì nilon trong suốt hàn kín là ma túy, loại Heroin, khối lượng 3,562 gam; Chất bột màu trắng dạng nén trong 06 bì nilon là ma túy, loại Heroin, khối lượng 21,769 gam.

Tại Bản cáo trạng số 17/CT-VKSKV11 ngày 05/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Lê Thị Thu N về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” được quy định tại các điểm b, i, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Ngày 02/02/2026, bị cáo Lê Thị Thu N kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Thu N đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện cơ bản đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên, xin Hội đồng .

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi, hậu quả của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thị Thu N, phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại các điểm b, i, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo N và xử phạt bị cáo Lê Thị Thu N 12 (mười hai) năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thu N – Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 12/2026/HSST ngày 27/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai của bị cáo Lê Thị Thu N tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở để kết luận: ngày 05/3/2025, tại phường T, tỉnh Đắk Lắk bị cáo Lê Thị Thu N đã có hành vi mua trái phép chất ma túy từ bị cáo Nguyễn Văn S với số tiền 4.500.000 đồng, bán cho Phan Ngọc T2 02 lần và bán cho Trần Ngọc P1 02 lần vào khoảng cuối tháng 3/2025; ngày 01/4/2025, bị cáo N tiếp tục mua ma túy từ bị cáo S với số tiền 25.000.000 đồng mục đích để bán lại thì bị phát hiện, thu giữ. Bị cáo Lê Thị Thu N đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục có

hành vi mua trái phép ma túy loại Heroin của bị cáo Nguyễn Văn S, sau đó N 04 lần bán trái phép chất ma túy cho P1, T2 thu lợi số tiền 800.000 đồng. Ngày 01/4/2025, N tiếp tục mua ma túy của S, đang trên đường mang về thì bị phát hiện, thu giữ tổng cộng 25,779 gam ma túy loại Heroin. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thị Thu N về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo các điểm b, i, q khoản 2, khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thị Thu N, Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo N vi phạm vào các tình tiết định khung quy định tại các điểm b, i, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, có 01 tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mức hình phạt 12 năm tù mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, không phát sinh tình tiết giảm nhẹ nào mới tại cấp phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về mức hình phạt.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Thị Thu N phải chịu án phí theo quy định.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thu N. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2026/HS-ST ngày 27/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đắk Lắk.

[2]. Về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Tuyên bố: bị cáo Lê Thị Thu N phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng các điểm b, i, q khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Xử phạt: bị cáo Lê Thị Thu N 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 02/4/2025.

[3]. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Lê Thị Thu N phải chịu 200.000 đồng.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- Vụ giám đốc, kiểm tra II-TANDTC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 11-Đắk Lắk (2);
- Phòng THADS khu vực 11-Đắk Lắk
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đặng Thị Thu Hằng**